TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Cao Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân;

2. Ông Nguyễn Bảo Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T - sinh năm: 1985 (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh Đặng Xuân V - sinh năm: 1980 (vắng mặt);

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Đặng Xuân V kết hôn vào ngày 21/11/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc; đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách đối lập, bất đồng quan điểm sống, vì vậy, chị và anh V thường xuyên bất hòa, cãi nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt và mâu thuẫn đến mức không thể hóa giải. Do mâu thuẫn trầm trọng nên kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay, chị và anh V ly thân nhau. Trong suốt thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến

ai, ai lo bổn phận người đó, không ai quan tâm, chăm sóc gia đình. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Xuân V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là: Đặng Bá Gia B - sinh ngày: 24/02/2010 và Đặng Bá Gia H - sinh ngày: 27/9/2012. Các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện cả hai con đang ở với anh V. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con; không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trường hợp không được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng một trong hai con; không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đặng Xuân V không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Nguyễn Thị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống, chị T có quan hệ ngoại tình. Do mâu thuẫn, kể từ ngày 19/10/2024, chị T đã về nhà cha mẹ đẻ của chị ấy để sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Trong suốt thời gian sống ly thân, chị T không quan tâm, chăm sóc gia đình. Nay chị T khởi kiện ly hôn, anh xét thấy vẫn yêu thương chị T và muốn gắn bó với chị T để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm sóc, dạy dỗ các con trưởng thành nên anh không đồng ý ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh đồng ý với ý kiến của chị T về việc vợ chồng có hai con chung như chị T đã trình bày. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con (phù hợp với nguyện vọng của hai con là cháu B, cháu H). Anh không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, các cháu Đặng Bá Gia B và Đặng Bá Gia H đều có nguyện vọng được ở với bố là Đặng Xuân V nếu bố mẹ ly hôn.

* Biên bản xác minh ngày 06/01/2025 tại thôn T, xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa, cho thấy:

- Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Xuân V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2008 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn T, xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã Y, huyện H để sinh sống kể từ tháng 8 năm 2024 cho đến nay và vợ chồng sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu

thuẫn giữa chị T và anh V thì chính quyền địa phương không rõ, vì khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị không báo cáo cũng như không đề nghị chính quyền hòa giải.

- Chị T và anh V có 02 con chung là: Đặng Bá Gia B - sinh ngày: 24/02/2010 và Đặng Bá Gia H - sinh ngày: 27/9/2012; hiện cả hai cháu đang ở với anh V; điều kiện sinh sống của các cháu bình thường, không bị ai hành hạ hay ngược đãi gì. Chị T, anh V đều có thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi con.

* *Tại phiên tòa*: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị được ly hôn anh V; chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, trường hợp không được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Bá Gia H, do cháu nhỏ tuổi hơn nên cần quan tâm, chăm sóc nhiều hơn, không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; không yêu cầu giải quyết về tài sản và nghĩa vụ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Xuân V.

+ Về con chung: Giao cháu Đặng Bá Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Bá Gia B cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Chị T, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị T, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Đặng Xuân V có nơi cư trú tại thôn T, xã H (nay là thị trấn H), huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh Đặng Xuân V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh V.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Xuân V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 21/11/2008 nên hôn nhân giữa họ là hợp pháp.

Chị T cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, cãi nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt và mâu thuẫn đến mức không thể hóa giải. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở xã Y, huyện H để sinh sống, từ đó đến nay, chị và anh V ly thân nhau.

Anh V cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị T có quan hệ ngoại tình. Do mâu thuẫn nên kể từ ngày 19/10/2024, chị T đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống và anh chị ly thân nhau từ đó đến nay. Tuy nhiên, anh vẫn yêu thương chị T, muốn đoàn tụ để cùng chăm sóc, dạy dỗ các con trưởng thành nên anh không đồng ý ly hôn chị T.

Như vậy, quá trình chung sống, giữa chị T và anh V có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn, chị T đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống và vợ chồng ly thân nhau kể từ ngày 19/10/2024 cho đến nay. Anh V cho rằng mình vẫn yêu thương chị T, nhưng anh không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn rạn nứt trong quan hệ hôn nhân, mặc dù đã được Tòa án tạo điều kiện về thời gian trong quá trình giải quyết vụ án. Hơn nữa, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải với mục đích để chị T và anh V trở về đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định tình nghĩa vợ chồng giữa chị T và anh V không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T để xử cho chị T được ly hôn với anh V.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là: Đặng Bá Gia B - sinh ngày: 24/02/2010 và Đặng Bá Gia H - sinh ngày: 27/9/2012. Các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường về thể lực và trí lực, hiện cả hai cháu đang ở với anh V.

Sau khi ly hôn, chị Thương yêu C được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con; trường hợp không được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Bá Gia H, không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh V không đồng ý với yêu cầu của chị T, anh có quan điểm nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị T là lao động hợp đồng tại Trường Tiểu học H1, huyện H, có mức lương là 5.602.662 đồng/tháng. Anh V là lao động hợp đồng với Công ty TNHH T1 (ở huyện T, Hà Nội), mức thu nhập gộp chính thức khi ký hợp đồng là 30.000.000 đồng/tháng, lương cụ thể sẽ được tính trên doanh số bán hàng thu tiền. Cả hai anh chị đều có thu nhập, có thể đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Nguyện vọng được nuôi con của chị T và anh V là chính đáng, đó vừa là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy cháu B và cháu H đều có nguyện vọng ở với anh V, nhưng xét thấy anh V hay đi công tác xa nhà, trong khi chị T công tác ở gần, cháu H nhỏ tuổi hơn cháu B nên cần sự quan tâm, chăm sóc nhiều hơn. Hơn nữa, các cháu đều đang ở độ tuổi ăn học, chi phí cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu ngày một nhiều. Nếu giao cả hai con cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo tốt nhất cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Xét thấy, khi ly hôn, việc giao cho chị T, anh V mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một cháu là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Đặng Bá Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Bá Gia B cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T và anh V đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị T và anh V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

* Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Xuân V.

- Về con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là: Đặng Bá Gia B - sinh ngày: 24/02/2010 và Đặng Bá Gia H - sinh ngày: 27/9/2012.

Giao cháu Đặng Bá Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đặng Bá Gia B cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Chị T, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003692 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- UBND xã Yến Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Cao Cường